TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Th
2. Ông Nguyễn Quốc S

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 09/TB- TA ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1987

Nơi cư trú: C11, tổ 40, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đ. (đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Chu Bá H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh B. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị tạm trú tại C11, tổ 40, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do

tình tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh H về sinh sống cùng bố mẹ ở thôn Đ, xã S, huyện T từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Chu Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 14/8/2008; Chu Bá Gia H, sinh ngày 23/9/2010 và Chu Bá Hải Đ, sinh ngày 30/01/2017. Hiện cháu Nh và cháu Đ đang ở với chị còn cháu H đang ở với anh H. Khi ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh và cháu Đ. Chị đồng ý để anh H tiếp tục nuôi con chung là Chu Bá Gia H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn nên chị đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết cũng như xét xử vụ án. Tại phiên toà, chị L vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 20/8/2019 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Chu Bá H trình bày:

Năm 2007, anh và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh B. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị vào miền nam làm ăn kinh tế.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ khi chị L tham gia vào hệ thống bán hàng đa cấp, anh có ngăn cản nhưng chị L không nghe dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Tháng 6 năm 2019 anh về sinh sống tại thôn Đ, xã S, huyện T, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, anh chị không quan tâm gì đến nhau. Chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh nghĩ về các con. Trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: vợ chồng anh có 03 con chung là Chu Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 14/8/2008; Chu Bá Gia H, sinh ngày 23/9/2010 và Chu Bá Hải Đ, sinh ngày 30/01/2017. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 3 con chung không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp không được nuôi cả 3 con thì Tòa án giải quyết cho nuôi cháu nào anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: anh H vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho chị L được ly hôn với anh H. Về con chung cho anh H tiếp tục nuôi con chung là Chu Bá Gia H, sinh ngày 23/9/2010. Chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Chu Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 14/8/2008

và Chu Bá Hải Đ, sinh ngày 30/01/2017. Chị L, anh H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh H có nơi cư trú tại C11, tổ 40, khu phố 4, phường Bình Đa, thành phố B, tỉnh Đ. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã thụ lý vụ án. Đến tháng 6 năm 2019 anh H về sinh sống tại thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh B. Tòa án thành phố B, tỉnh Đ đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết theo thẩm quyền. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Chị L có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh H kết hôn tháng 6 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị vào miền nam làm ăn sinh sống tại C11, tổ 40, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đ. Anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Anh H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn với chị L vì nghĩ vì các con. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại từ tháng 6 năm 2019, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị L ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 03 con chung là Chu Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 14/8/2008; Chu Bá Gia H, sinh ngày 23/9/2010 và Chu Bá Hải Đ, sinh ngày 30/01/2017. Hiện cháu H đang ở với anh H, cháu Nh và cháu Đ đang ở với chị L.Vợ chồng ly hôn, chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh và cháu Đ còn để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh H xin tiếp tục được nuôi dưỡng

03 con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại biên bản làm việc với ông Chu Bá H là bố đẻ của anh H đề nghị cho anh H được nuôi dưỡng 3 con chung. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh H chị L có 3 con chung. Hiện nay cháu H đang ở với anh H còn cháu Nh và cháu Đ đang ở với chị L. Đề nghị xem xét cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu. Hội đồng xét xử thấy: anh H và chị L có 03 con chung, hiện nay cháu Nh và cháu Đ đang ở với chị L và cháu Nh có nguyện vọng ở với mẹ còn cháu H đang ở với anh H và có nguyện vọng ở với anh H. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu hiện nay nên cần giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Chu Bá Gia H. Chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Chu Nguyễn Thảo Nh và Chu Bá Hải Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh H, chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh H, chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị L, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị L, anh H thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị L và anh H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị L được ly hôn anh Chu Bá H.

2.Về con chung: chị Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Chu Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 14/8/2008 và Chu Bá Hải Đ, sinh ngày 30/01/2017. Anh Chu Bá H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Chu Bá Gia H, sinh ngày 23/9/2010. Anh H, chị L không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị L, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị L, anh H thực hiện quyền.

3. Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008739 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ. Xác nhận chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị O